

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LỘC  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/HS-ST  
Ngày 09 - 8 -2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nông Thị Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hoàng Mạnh Sắn

Bà Chu Thị Hậu.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Hoàng Đình Sắc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2021/TLST-HS, ngày 19 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2021/QĐXXST-HS, ngày 27 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

**Nông Thu D** (tên gọi khác: Nông Thị D), sinh ngày 03/01/1962 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Số E, đường H, phường N, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn B (đã chết) và bà Bé Thị T (đã chết); có chồng là Hoàng Hữu Y, sinh năm 1966 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 10/4/2021, tạm giam từ ngày 13/4/2021 đến nay; có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Bà Đồng Thị Hải A, sinh năm 1968; nơi cư trú: Số F, đường Q, phường K, thành phố L; vắng mặt.

**- Người làm chứng:** Anh Lương Văn R, sinh năm 1982; vắng mặt.

**- Người chứng kiến:** Anh Hoàng Văn U, sinh năm 1985; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3/2021, Lương Văn R trú tại thôn D, xã V, huyện L, thành phố P có nhu cầu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc lao động nên đã lên mạng Zalo tìm kiếm việc làm và kết bạn với người đàn ông tên V (không biết họ, địa chỉ cụ thể). V bảo Lương Văn R gửi số điện thoại cho V và chuẩn bị số tiền 5.000NDT đến 6.000NDT làm chi phí đi đường để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Sau khi gửi số điện thoại thì Lương Văn R nhận được cuộc gọi của một người đàn ông Việt Nam (sử dụng số 0862632756 và 08619877949857) bảo Lương Văn R khi nào đi thì đón xe lên đến ngã tư M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và đi xe ôm vào khu vực biên giới thuộc xã A, huyện C, tỉnh Lạng Sơn rồi gọi điện cho người này sẽ có người đón đưa xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, Lương Văn R đồng ý nhưng chưa hẹn ngày cụ thể.

Ngày 09/4/2021, Lương Văn R gọi điện cho V thông báo ngày 10/4/2021 sẽ đến Lạng Sơn để đi xuất khẩu trái phép sang Trung Quốc. Sau đó Lương Văn R đón xe khách từ Hải Phòng đến Hà Nội và thuê phòng nghỉ. Khoảng 09 giờ ngày 10/4/2021, Lương Văn R tiếp tục đón xe khách đến Lạng Sơn, khoảng 15 giờ đến ngã tư M. Tại đây Lương Văn R gặp Nông Thu D đang đỗ xe mô tô cạnh đường. Lương Văn R đặt vấn đề với Nông Thu D chở vào xã A, huyện C, tỉnh Lạng Sơn để đi sang Trung Quốc, Nông Thu D đồng ý và cho biết tiền công là 700.000 đồng. Hai người hẹn nhau khoảng 18 giờ cùng ngày có mặt tại ngã tư M để Nông Thu D đón đưa đi.

Khoảng 18 giờ 30 cùng ngày, Nông Thu D điều khiển xe máy ATTLA biển kiểm soát 12F8-1259 từ nhà ra ngã tư M chở Lương Văn R vào xã A, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Trên đường đi Nông Thu D và R nói chuyện với nhau, Lương Văn R cho Nông Thu D biết mục đích đi vào xã Cao Lâu là để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Khi Nông Thu D lái xe mô tô đưa Lương Văn R đến chốt kiểm soát Biên phòng thuộc thôn B, xã A, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì bị lực lượng Biên phòng phát hiện, bắt quả tang.

Đồ vật bị tạm giữ của bị cáo Nông Thu D: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu đen - xanh lá cây bên trong lắp 01 sim Viettel; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu xanh nước biển bên trong lắp 02 sim (01 sim Viettel và 01 sim Vietnam mobile); 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM Attila, màu trắng cũ, biển kiểm soát 12F8- 1259.

Tại Bản cáo trạng số: 88/CT-VKS-P2, ngày 16/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Nông Thu D về Tội tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Nông Thu D khai nhận diễn biến hành vi phạm tội đúng như bản Cáo trạng nêu. Bị cáo thừa nhận, biết hành vi tổ chức cho người khác sang nước ngoài không có giấy tờ của cơ quan Nhà nước theo quy định là vi phạm pháp luật nhưng do hám lời bị cáo đã phạm tội. Nay bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi của mình.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Nông Thu D (Nông Thị D) và đề nghị Hội

đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nông Thu D (Nông Thị D) phạm Tội tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 348, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nông Thu D mức án từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo làm nghề tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng đảm bảo thi hành án, nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử:

- Trả lại cho bị cáo Nông Thu D 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu đen - xanh lá cây bên trong laptop 01 sim Viettel và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu xanh nước biển bên trong laptop 02 sim (01 sim Viettel và 01 sim Vietnam mobile) do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

- Đề nghị không xem xét giải quyết đối với 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM Attila, màu trắng cũ, biển kiểm soát 12F8- 1259. Cơ quan điều tra đã xác định đây là chiếc xe của bà Đồng Thị Hải A cho bị cáo Nông Thu D mượn, bà Đồng Thị Hải A không biết bị cáo dùng chiếc xe này thực hiện hành vi phạm tội. Ngày 16/6/2021, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu bà Đồng Thị Hải A.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo xin được hưởng mức án nhẹ nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo phù hợp với các chứng cứ khác và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người làm chứng anh Lương Văn R, người chứng kiến anh Hoàng Văn U, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Đồng Thị Hải A đã được Tòa án triệu tập, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên họ đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án và tài sản liên quan đến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được Cơ quan điều tra trả lại đầy đủ. Việc vắng mặt của người làm chứng, người chứng kiến, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ảnh hưởng đến việc xét xử. Nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt người làm chứng, người chứng kiến và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan đến vụ án theo quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nông Thu D có hành vi đưa 01 người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc nhằm hưởng lợi ích vật chất là 700.000 đồng. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Nông Thu D về Tội tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tổ chức đưa người đi sang Trung Quốc lao động làm thuê mà không được phép của các cơ quan có thẩm quyền là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi trước mắt, không lường trước hậu quả, bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an địa phương. Việc bị cáo tự ý tổ chức cho người khác qua biên giới lao động làm thuê, không có sự kiểm soát của các cơ quan chức năng, dẫn đến quyền lợi của người lao động không được bảo vệ, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các loại tội phạm khác, như buôn bán người, tội phạm về ma túy, cưỡng đoạt, cưỡng bức lao động,... và nhiều vấn đề an ninh trật tự phức tạp. Do vậy, việc đưa bị cáo ra truy tố trước pháp luật là cần thiết nhằm mục đích răn đe giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Để có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử đánh giá về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo như sau:

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bố bị cáo là ông Nông Văn B được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tặng Bằng khen vì có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Pháp, anh trai ruột của bị cáo là Nông Ngọc G được tặng Huy chương chiến sỹ giải phóng, Huy chương kháng chiến hạng nhất và chồng của bị cáo là Hoàng Hữu Y được tặng Huân chương chiến công hạng ba. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự nên là người có nhân thân tốt.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ mới đảm bảo tính nghiêm minh, răn đe đối với bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có quy định “ Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 triệu đồng đến 50.000.000 triệu đồng...”. Do bị cáo là người lao động tự do, không có việc làm thu nhập ổn định, không có tài sản đảm bảo thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu đen - xanh lá cây bên trong lắp 01 sim Viettel và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu xanh nước biển bên trong lắp 02 sim (01 sim Viettel và 01 sim Vietnam mobile), xác định bị cáo không sử dụng liên lạc thực hiện hành vi phạm tội. Trả lại cho bị cáo; đối với 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM Attila, màu trắng cũ, biển kiểm soát 12F8- 1259, xác định đây là chiếc xe của bà Đồng Thị Hải A cho bị cáo mượn, bà Đồng Thị Hải A không biết bị cáo dùng chiếc xe này thực hiện hành vi phạm tội. Ngày 16/6/2021, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu bà Đồng Thị Hải A. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Đối với đối tượng tên V là người mà Lương Văn R đã liên lạc để đưa xuất khẩu trái phép sang Trung Quốc, R khai nhận không biết họ và địa chỉ của người này, chỉ biết người này sử dụng Zalo “Quang xếp xe Việt Trung”; Sau khi Lương Văn R gửi số điện thoại thì có người đàn ông sử dụng số 0862632756 và 08619877949857 liên lạc và hướng dẫn Lương Văn R đi đến xã A, huyện C, tỉnh Lạng Sơn sẽ có người đón xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Cơ quan điều tra xác minh hai số điện thoại mà người xuất cảnh đã liên lạc nhưng không xác định được đối tượng liên quan, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét trong vụ án này.

[12] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 348, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Thu D (Nông Thị D) phạm Tội tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Nông Thu D 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ bị cáo 10/4/2021.

3. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo Nông Thu D 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu đen - xanh lá cây bên trong lắp 01 sim Viettel và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu xanh nước biển bên trong lắp 02 sim (01 sim Viettel và 01 sim Vietnam mobile).

*(Các vật chứng trên được ghi chi tiết tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/7/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn).*

4. Về án phí: Bị cáo Nông Thu D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo (1b);
- Người có QL,NVLQ (1b);
- VKSND tỉnh Lạng Sơn (1b);
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn (1b);
- CQ ĐTCA huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn (1b);
- Nhà TGCA huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn (1b);
- TAND tỉnh Lạng Sơn (1b);
- STP tỉnh Lạng Sơn (1b);
- CCTHADS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn (1b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (1b);
- Lưu (văn phòng; hồ sơ vụ án) (3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nông Thị Hà**